

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin  
của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (Công ty);

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 40/TTr-CTN ngày 16/12/2021 và căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị ngày 21/12/2021,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát, Tổ Công bố thông tin, Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Thuận**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2021/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên)*

*Phú Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Căn cứ ban hành Quy chế**

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (Công ty) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên và các đối tượng khác có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Người công bố thông tin; Người phụ trách quản trị Công ty;
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phòng Pháp chế, Tổ công bố thông tin;
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

### **Điều 3. Quy định về từ viết tắt**

- Công ty : Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCCKHN : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở giao dịch



	chứng khoán
- VSD	: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
- CBTT	: Công bố thông tin
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- BKS	: Ban kiểm soát
- BCTC	: Báo cáo tài chính
- ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- NNB	: Người nội bộ
- NCLQ	: Người có liên quan
- NQTCT	: Người phụ trách quản trị Công ty

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên),
- Thư ký công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (nếu có);

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. *Đối với tài liệu dưới dạng văn bản*: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân;
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có);

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT*: phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ quy định tại Khoản 4 nêu trên;

6. *Dữ liệu điện tử dùng để CBTT*: là dữ liệu có dạng word/excel/pdf (word và excel phải sử dụng mã Unicode).



7. *Người công bố thông tin*: là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

8. *Người có liên quan*: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Doanh nghiệp đó;
- c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

10. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

- a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
- c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

11. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

- a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
- c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
- d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

#### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
3. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHN thực hiện công khai thông tin.



5. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện

6. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

#### **Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

#### **Điều 7. Phương tiện công bố thông tin**

<b>STT</b>	<b>Đối tượng tiếp nhận CBTT</b>	<b>Phương tiện CBTT</b>
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro
3	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

#### **(\*) Lưu ý:**

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết, Công ty vẫn thực hiện nghĩa vụ CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCKHN và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.



- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

### **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

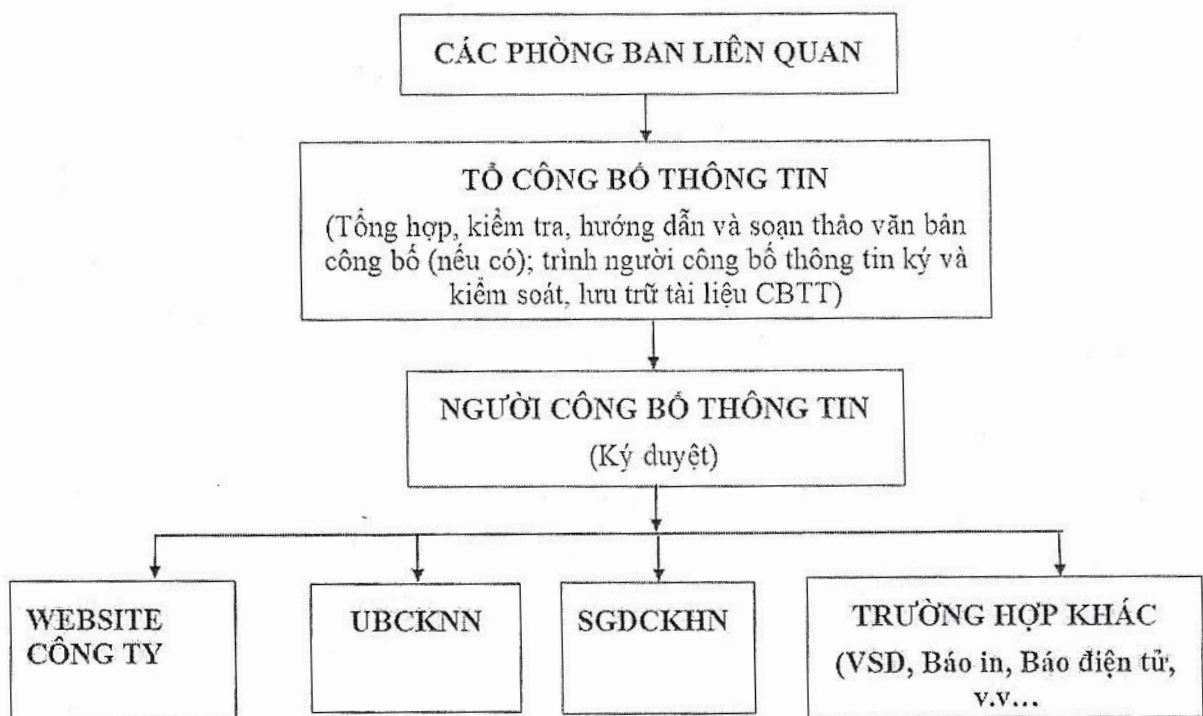
1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCCKHN về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Chương II - QUY TRÌNH VÀ NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

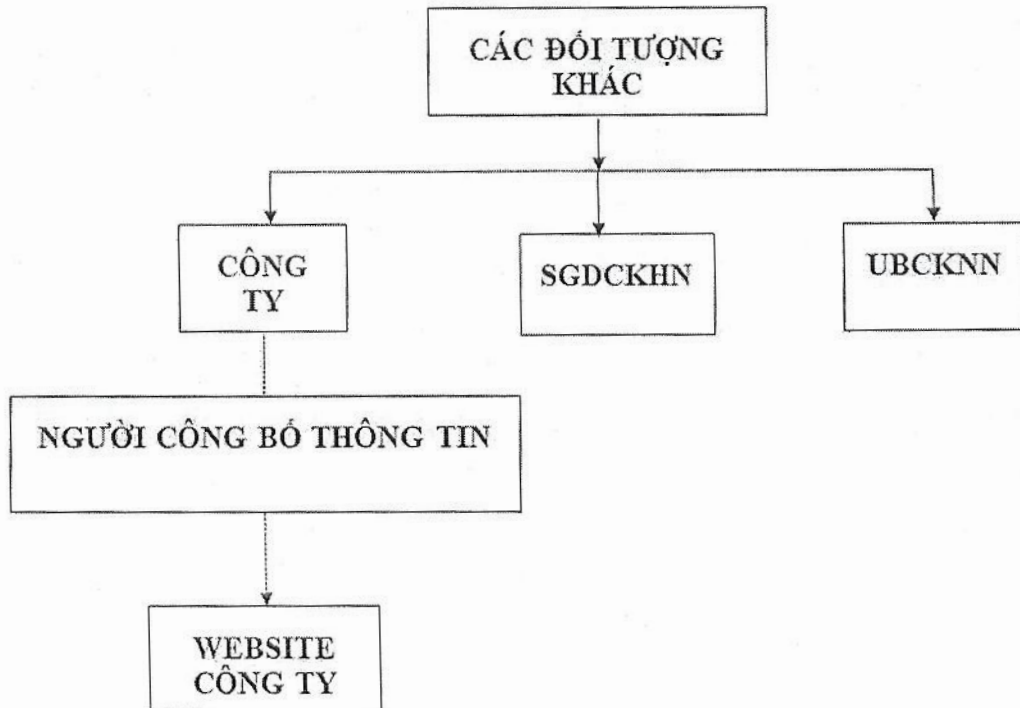
### **Điều 9. Lưu đồ thực hiện**

1. Áp dụng cho các phòng ban liên quan theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 1 Quy chế này:



Tổ công bố thông tin có trách nhiệm hướng dẫn các Phòng chuyên môn áp dụng các biểu mẫu về CBTT theo quy định tại Quy chế CBTT này, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán; Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan khác.

**2. Áp dụng đối với các đối tượng khác:** gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu biểu quyết của Công ty.



**Ghi chú:**

————> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX

- - - - -> : Người công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty

**Điều 10. Các nội dung công bố thông tin**

1. Các phòng chuyên môn liên quan tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này căn cứ nội dung tại các Phụ lục của Quy chế để công bố thông tin theo quy định.

2. Các đối tượng khác: Phụ lục 2

**CHƯƠNG III - TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 11. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và các đơn vị trực thuộc liên quan**

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCKHN, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các đơn vị trực thuộc cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trường các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các đơn vị trực thuộc (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người phụ trách quản trị Công ty phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

### **Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty trong việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

### **Điều 13. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân tại các đơn vị trực thuộc: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

## **CHƯƠNG IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế này, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có



những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì các quy định pháp luật đương nhiên được áp dụng để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt./.

*Nơi nhận:*

- HĐQT;
- Ban TGD Cty;
- BKS;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tấn Thuận**

**PHỤ LỤC 1: TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

**PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (TC-KT)**

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	03 ngày trước hạn chót CBTT	
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	03 ngày trước hạn chót CBTT	
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	03 ngày trước hạn chót CBTT	
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	03 ngày trước hạn chót CBTT	
5	<i>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i> - Lợi nhuận sau thuế	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Giải trình đồng thời cùng với Báo cáo tài chính	

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	<p>thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p>			
<b>B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
6	<p>Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ</p>	<p>18h ngay sau khi phát sinh thông tin</p>	<p>Kết hợp với NQTCT</p>



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	tòa			
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
8	Kết quả điều chỉnh hội tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
9	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
10	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
11	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
12	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
13	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Kết hợp với NQTCT
14	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT

## PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP (HC-TH)

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
3	Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
4	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
5	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện			
6	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
8	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới.	Trong thời hạn 24 giờ. Gửi kèm quyết định/ng nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT

## PHỤ LỤC 1.3: PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT (KH-KT)

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>I. CÔNG BỐ THÔNG TIN THƯỜNG NIÊN</b>				
<b>Báo cáo thường niên</b>				
1	Báo cáo thường niên theo	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính		Phối hợp với các đơn vị trực thuộc và Ban kiểm soát
<b>II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
2	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Phối hợp với các đơn vị trực thuộc và NQTCT
3	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT

**PHỤ LỤC 1.4: PHÒNG PHÁP CHẾ (PC)**

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A. CÔNG BỐ THÔNG TIN THƯỜNG NIÊN</b>				
<b>I. Báo cáo tình hình quản trị công ty</b>				
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch		Kết hợp với NQTCT
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch		Kết hợp với NQTCT
<b>II. Đại hội đồng cổ đông</b>				
3	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	3 ngày trước hạn chót CBTT	
4	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	03 ngày trước hạn chót CBTT	
5	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
<b>III. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>				
6	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	03 ngày trước hạn chót CBTT	



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	đồng hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ			
7	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	03 ngày trước hạn chót CBTT	
8	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
<b>B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
9	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
10	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
11	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
12	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu			
13	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
14	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
15	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
16	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký			
17	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với NNB hoặc NCLQ của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
18	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
19	Công ty gửi (Bản cứng) cho UBCKNN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
20	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
21	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty			NQTCT
22	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
23	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
24	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	
25	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến tình hình quản trị công ty	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Phối hợp với các đơn vị trực thuộc
26	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
27	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
<b>C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b>				
28	Theo yêu cầu của			

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
	UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:			
	- Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
	- Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	18h ngay sau khi phát sinh thông tin	Kết hợp với NQTCT
<b>D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY</b>				
29	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch.	Theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán		
30	Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, công bố thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên		
31	Công bố thông tin về việc thay đổi phương án sử dụng vốn	24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền		



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
32	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam		
33	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ		

## PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

**Điều 1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.**

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCCKHN theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

**Ghi chú:** Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

*Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%, Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%). Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%), do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Quy chế này.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan tới sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

**Điều 2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCKHN khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày là 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo



mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCKHN (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB và NCLQ phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo Phụ lục XIII hoặc XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. NNB và NCLQ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCKHN đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCKHN;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96/TT-BTC ngày 16/11/2021 của Bộ Tài chính;

f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 1 Phụ lục 2 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với NNB và NCLQ.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 1 Phụ lục 2 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 1 Phụ lục 2 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của



khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty hoặc NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với NNB và NCLQ.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của NNB và NCLQ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

